

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 212/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 9 - 2019

*“V/v tranh chấp về nuôi con, chia tài sản
của nam, nữ chung sống với nhau như
vợ chồng mà không đăng ký kết hôn ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm;
2. Ông Nguyễn Hoàng Kha.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 733/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc “tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 714/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp L, xã A, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp N, xã B, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, và biên bản hòa giải chị Lê Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Minh C chung sống với nhau vào năm 2005 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân khoảng 02 năm nay. Nay nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 24/8/2007; Nguyễn Kim Y, sinh ngày 19/5/2010. Hiện 02 con đang sống cùng chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu nuôi cả 02 con chung, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị khai chị và anh C không có nợ ai, cũng không ai nợ lại anh, chị.

- *Tại bản tự khai và tại phiên tòa anh Nguyễn Minh C trình bày:* Anh và chị H chung sống với nhau vào năm 2005 và anh chị không có đăng ký kết hôn đúng như chị H trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, anh chị đã ly thân 02 năm nay. Hiện anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không còn hạnh phúc nên chị H xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 24/8/2007; Nguyễn Kim Y, sinh ngày 19/5/2010. Hiện 02 con đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, anh thống nhất giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh khai anh, chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh khai anh, chị không có nợ ai, cũng không ai nợ lại anh chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H đối với anh Nguyễn Minh C được xác định là tranh chấp về nuôi con, chia tài sản của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Đối với nguyên đơn chị Lê Thị H có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại các Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2005 nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa chị H và anh C đã vi phạm pháp luật về mặt hình thức. Quá trình chung sống cả hai đều xác định có mâu thuẫn, không thể hàn gắn được và đã ly thân 02 năm nay. Hiện chị H và anh C thống nhất chấm dứt hôn nhân. Do đó, căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa tuyên bố không công nhận chị Lê Thị H và anh Nguyễn Minh C là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị H và anh C xác định có 02 con chung tên Nguyễn Thị C, sinh ngày 24/8/2007; Nguyễn Kim Y, sinh ngày 19/5/2010. Hiện 02 con đang sống cùng chị H. Khi ly hôn, anh, chị thống nhất giao 02 con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh C không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của anh chị phù hợp với ý kiến nguyện vọng của hai cháu Nguyễn Thị C và Nguyễn Kim Y theo biên bản ghi ý kiến ngày 12/9/2019, và sự thỏa thuận đó phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chị H không đặt ra yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị H, anh C xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị H, anh C khai không có, không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình chị H phải nộp theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 14, 51, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Lê Thị H và anh Nguyễn Minh C là vợ chồng.

Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm, sinh ngày 24/8/2007; Nguyễn Kim Yển, sinh ngày 19/5/2010. Hiện 02 con đang sống cùng chị H cho chị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không đặt ra trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đối với anh C.

Anh Nguyễn Minh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị H, anh C khai không có, không xem xét.

Về nợ chung: Chị H, anh C khai không có, không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Lê Thị H phải nộp số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 26/8/2019, chị H đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000658 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND Tp Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(Đã Ký)

Phạm Kim Cương